

Số: 18/NQ-HĐND

Giang Thành, ngày 18 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Về việc thống nhất nhu cầu kế hoạch vốn đầu tư công
trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN GIANG THÀNH
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 06 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Xét Tờ trình số 238/TTr-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện về việc xin ý kiến thống nhất nhu cầu kế hoạch vốn đầu tư trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025; Báo cáo thẩm tra số 182/BC-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện; Báo cáo thẩm tra số 178/BC-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân huyện,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất nhu cầu kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Giang Thành, như sau:

1. Tổng vốn đầu tư trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 được Hội đồng nhân dân huyện thông qua với tổng vốn đầu tư 758.100 triệu đồng, bố trí 88 công trình, cụ thể sau:

- + Cân đối ngân sách địa phương: 608.600 triệu đồng, bố trí 79 công trình.
- + Xổ số kiến thiết: 60.500 triệu đồng, bố trí 09 công trình.
- + Chương trình MTQG: 89.000 triệu đồng.

(Kèm theo danh mục chi tiết)

2. Một số giải pháp thực hiện:

a) Nâng cao trách nhiệm công tác tham mưu của các ngành và địa phương; thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về đầu tư công.

b) Sắp xếp thứ tự ưu tiên đầu tư, bảo đảm tính cấp bách, kịp thời và chuẩn bị các thủ tục đầu tư để thực hiện dự án trước năm kế hoạch.

c) Tăng cường sự phối hợp giữa các chủ đầu tư, địa phương tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, tổ chức triển khai thi công.

d) Tập trung chỉ đạo đầu tư hoàn thành một số công trình trọng điểm như: Giao thông nông thôn theo tiêu chí xã nông thôn mới, công trình giao thông trọng điểm, bảo đảm để triển khai thực hiện dự án, công trình đúng quy định hiện hành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Hội đồng nhân dân huyện giao Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo, triển khai các ngành, các xã thực hiện Nghị quyết này. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát chặt chẽ việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Giang Thành Khóa XI, Kỳ họp thứ chín thông qua ngày 18 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: 

- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- VP. UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Tổ Đại biểu HĐND tỉnh (đơn vị huyện Giang Thành);
- TT. Huyện ủy; HĐND;
- CT, các PCT UBND huyện;
- UBMTTQ Việt Nam huyện;
- ĐB HĐND huyện khóa XI;
- Các cơ quan, ban ngành huyện;
- LĐVP, CVPT;
- HĐND, UBND các xã;
- Lưu: VT. 52b



CHỦ TỊCH


Tạ Minh Danh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

CHƯƠNG TRÌNH DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN 5 NĂM GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 18 /NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2019 của HĐND huyện Giang Thành)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025									Ghi chú
			số, ngày/tháng/năm ban hành	TMDT			Nhu cầu đầu tư 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025				Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025					
				Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó: NSNN		Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó: NSNN				
									Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
														Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	TỔNG CỘNG							758.100	758.100			758.100	758.100			
I	NGUỒN VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG							608.600	608.600			608.600	608.600			
a	Giáo dục							109.900	109.900			109.900	109.900			
1	Trường MN Vĩnh Phú (điểm Chính)							1.200	1.200			1.200	1.200			
2	Trường TH Vĩnh Phú							6.200	6.200			6.200	6.200			
3	Trường THCS Tân Khánh Hòa							7.500	7.500			7.500	7.500			
4	Trường THCS Vĩnh Phú							6.500	6.500			6.500	6.500			
5	Trường TH Tân Khánh Hòa (Điểm chính)							6.500	6.500			6.500	6.500			
6	Phòng GD&ĐT							2.000	2.000			2.000	2.000			
7	Trường TH Phú Mỹ (điểm Chính)							7.200	7.200			7.200	7.200			
8	Trường TH&THCS Vĩnh Điều (điểm chính)							6.500	6.500			6.500	6.500			
9	Trường mầm non Tân Khánh Hòa							6.500	6.500			6.500	6.500			
10	Trường THCS Phú Mỹ (điểm Chính)							5.000	5.000			5.000	5.000			
11	Trường TH Phú Mỹ							4.200	4.200			4.200	4.200			



TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025								Ghi chú
			số, ngày/tháng/năm ban hành	TMDT				Nhu cầu đầu tư 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025				Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025				
				Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó: NSNN		Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó: NSNN				
									Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
12	Trường TH Phú Lợi							8.000	8.000			8.000	8.000			
13	Trường TH Trần Thệ							7.200	7.200			7.200	7.200			
14	Trường TH-THCS Vĩnh Điều							8.200	8.200			8.200	8.200			
15	Trường TH Tân Khánh Hòa							5.000	5.000			5.000	5.000			
16	Trường TH&THCS Vĩnh Phú B							8.000	8.000			8.000	8.000			
17	Trường THCS Phú Mỹ							4.200	4.200			4.200	4.200			
18	Trường MN Vĩnh Phú							7.000	7.000			7.000	7.000			
19	Trường MN Phú Mỹ							3.000	3.000			3.000	3.000			
b	Chương trình bảo vệ biên giới Việt Nam - Campuchia							12.500	12.500			12.500	12.500			
1	Hàng rào và sân nền UBND xã Phú Mỹ							1.500	1.500			1.500	1.500			
2	Hàng rào và sân nền UBND xã Phú Lợi							1.500	1.500			1.500	1.500			
3	Hàng rào và sân nền UBND xã Tân Khánh Hòa							1.500	1.500			1.500	1.500			
4	Hàng rào và sân nền UBND xã Vĩnh Điều							1.500	1.500			1.500	1.500			
5	Hàng rào và sân nền UBND xã Vĩnh Phú							1.500	1.500			1.500	1.500			
6	Trường MN Vĩnh Điều							500	500			500	500			
7	Trường MN Phú Lợi							500	500			500	500			

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025								Ghi chú
			số, ngày/tháng/năm ban hành	TMĐT				Nhu cầu đầu tư 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025				Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025				
				Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó: NSNN		Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó: NSNN				
									Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
8	Trường TH Vĩnh Phú							500	500			500	500			
9	Trường TH Phú Mỹ							500	500			500	500			
10	Trường TH Tân Khánh Hòa							500	500			500	500			
11	Trường THCS Tân Khánh Hòa							500	500			500	500			
12	Trường THCS Phú Mỹ							500	500			500	500			
13	Trường TH&THCS Vĩnh Điều							500	500			500	500			
14	Trường THCS Vĩnh Phú							500	500			500	500			
15	Trường TH Phú Lợi							500	500			500	500			
c	Giao thông nông thôn theo tiêu chí							301.700	301.700			301.700	301.700			
1	Mở rộng đường Giang Thành – Đầm Chít							10.000	10.000			10.000	10.000			
2	Đường và cầu số 9							9.000	9.000			9.000	9.000			
3	Đường số 03 giai đoạn 2							14.000	14.000			14.000	14.000			
4	Đường số 04							55.000	55.000			55.000	55.000			
5	Mở rộng đường T3 (5m)							35.000	35.000			35.000	35.000			
6	Mở rộng đường T4 bờ đông							35.000	35.000			35.000	35.000			
7	Đường và cầu 6A trung tâm hành chính huyện							18.000	18.000			18.000	18.000			
8	Cầu đường H9							2.400	2.400			2.400	2.400			



TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025								Ghi chú
			số. ngày/thá ng/năm ban hành	TMDT				Nhu cầu đầu tư 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025				Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025				
				Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó: NSNN		Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó: NSNN				
									Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
										Thu hồi các khoản ứng trước			Thanh toán nợ XDCB	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
9	Đường kênh HN5 (từ HT5-giáp Phú Lợi)							1.200	1.200			1.200	1.200			
10	Đường 750 (ranh Vĩnh Điều – kênh Ranh)							4.200	4.200			4.200	4.200			
11	Đường NT1 bờ đông (từ HT4-giáp Phú Lợi)							6.300	6.300			6.300	6.300			
12	Đường kênh HN3 (bờ tây)							4.000	4.000			4.000	4.000			
13	Đường kênh Hà Giang củ bờ đông							2.300	2.300			2.300	2.300			
14	Đường kênh Hà Giang củ bờ tây							3.200	3.200			3.200	3.200			
15	Đường kênh NT6 bờ đông(Từ Kênh Giữa -giáp Kiên Lương)							9.000	9.000			9.000	9.000			
16	Đường kênh HN4 bờ đông (từ Trà Phô Tà Teng-Giáp TKH)							7.000	7.000			7.000	7.000			
17	Đường kênh HN1 bờ tây (đoạn cuối)							2.500	2.500			2.500	2.500			
18	Đường kênh HN1 bờ tây							5.300	5.300			5.300	5.300			
19	Đường kênh HN2 bờ tây							1.500	1.500			1.500	1.500			
20	Đường kênh HN4 bờ đông							10.000	10.000			10.000	10.000			
21	Đường kênh 750							4.200	4.200			4.200	4.200			
22	Đường HN1 bờ tây							2.500	2.500			2.500	2.500			
23	Đường HN2 bờ tây							1.500	1.500			1.500	1.500			
24	Đường kênh NT7 bờ đông							9.000	9.000			9.000	9.000			
25	Đường Rạch Nha Sập							1.500	1.500			1.500	1.500			

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025								Ghi chú
			số, ngày/tháng/năm ban hành	TMDT				Nhu cầu đầu tư 5 năm: giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025				Dự kiến kế hoạch 5 năm: giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025				
								Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó: NSNN		Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó: NSNN		
											Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước		Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
26	Đường kênh NT4 bờ tây							10.000	10.000			10.000	10.000			
27	Đường kênh NT5 bờ tây							4.800	4.800			4.800	4.800			
28	Đường kênh NT6 bờ tây							3.600	3.600			3.600	3.600			
29	Đường K1							2.400	2.400			2.400	2.400			
30	Đường K2 (T4-T5)							6.000	6.000			6.000	6.000			
31	Đường T2							6.000	6.000			6.000	6.000			
32	Đường kênh HT1-442							1.500	1.500			1.500	1.500			
33	Đường kênh Thời Trang							3.600	3.600			3.600	3.600			
34	Đường kênh 750							4.200	4.200			4.200	4.200			
35	Đường kênh HT6 bờ bắc							4.200	4.200			4.200	4.200			
36	Đường Cò Nghiêng Pu Tút bờ đông							1.800	1.800			1.800	1.800			
d	Công trình trọng điểm							115.000	115.000			115.000	115.000			
1	Nâng cấp mở rộng đường HT2 (đoạn từ HN0-T3)							75.000	75.000			75.000	75.000			
2	Bờ kè chống sạt lở (Đoạn TT hành chính – DC Đầm Chít)							40.000	40.000			40.000	40.000			
e	Công trình khác							69.500	69.500			69.500	69.500			
1	Bờ kè bờ tây đoạn từ cầu Giang Thành đến Đầm Chít							30.000	30.000			30.000	30.000			
2	Trụ sở UBND xã Tân Khánh Hòa							4.000	4.000			4.000	4.000			

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025								Ghi chú
			số, ngày/tháng/năm ban hành	TMDT				Nhu cầu đầu tư 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025				Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025				
				Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó: NSNN		Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó: NSNN				
									Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
										Thu hồi các khoản ứng trước			Thanh toán nợ XDCB	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
3	Trụ sở UBND xã Vĩnh Diệu							4.000	4.000			4.000	4.000			
4	Đảng ủy + khối vận xã Vĩnh Phú							3.500	3.500			3.500	3.500			
5	Sửa chữa nhà công vụ nhà khách UBND huyện							3.000	3.000			3.000	3.000			
6	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp-Giáo dục thường xuyên							10.000	10.000			10.000	10.000			
7	Xây dựng quảng trường công viên hồ nước trung tâm hành chính huyện Giang Thành							15.000	15.000			15.000	15.000			
II	XÔ SỔ KIẾN THIẾT							60.500	60.500			60.500	60.500			
1	Trung tâm văn hóa xã Phú Lợi							5.000	5.000			5.000	5.000			
2	Trạm y tế xã Vĩnh Diệu							3.500	3.500			3.500	3.500			
3	Lò đốt rác trạm y tế 5 xã							500	500			500	500			
4	Hệ thống xử lý nước 5 trạm y tế							1.000	1.000			1.000	1.000			
5	Trang rào trạm y tế xã Tân Khánh Hòa							500	500			500	500			
6	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện							15.000	15.000			15.000	15.000			
7	Trụ sở Đài truyền thanh; Trang thiết bị chuyên dụng							8.000	8.000			8.000	8.000			
8	Khuôn viên tượng đài Thoại Ngọc Hầu							25.000	25.000			25.000	25.000			
9	Nhà Thiếu Nhi							2.000	2.000			2.000	2.000			
III	CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG							25.000	25.000			25.000	25.000			
IV	CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI							64.000	64.000			64.000	64.000			